ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
****

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng (dưới đây gọi là Công ty), được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những qui định ràng buộc trong quá trình hoạt động của Công ty.

Điều lệ này được toàn thể cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thành lập tổ chức vào ngày 30 tháng 01 năm 2010.

CHƯƠNG I
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Điều 1. **Giải thích từ ngữ**

Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

a. *"Công ty"* là Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng.

b. *"Vốn điều lệ"* là vốn do tất cả cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và quy định tại khoản 1, Điều 12 Điều lệ này.

c. *"Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty"* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng.

d. *"Ngày thành lập"* là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

e. *"Luật Doanh nghiệp"* là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29/11/2005.

f. *"Pháp luật"* là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành năm 2008.

g. *"Cổ đông"* là cá nhân hoặc tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty và được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

h. *"Người quản lý"* là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác được Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm.

i. *"Người đại diện"* là "người đại diện phần vốn nhà nước", "người đại diện theo ủy quyền" hoặc "người đại diện của cổ đông cá nhân".

- *"Người đại diện phần vốn nhà nước"* là cá nhân được cổ đông là các doanh nghiệp nhà nước ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

- *"Người đại diện theo ủy quyền"* là cá nhân được cổ đông là tổ chức khác của Công ty ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp và bản Điều lệ này.

j. *"Người có liên quan"* là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17,

Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào được tham chiếu tới cũng sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. **Tên gọi và biểu tượng của Công ty**

Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh:

HAIPHONG PORT TUGBOAT AND TRANSPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **HP TUTRANCO**

Công ty được sử dụng tên gọi, cờ hiệu, biểu tượng và con dấu riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. **Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty**

1. Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng có trụ sở chính tại: Số 4 Lý Tự Trọng, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

   Điện thoại : (84 - 31) 3569873

   Fax : (84 - 31) 3747073
2. Công ty có thể thay đổi trụ sở chính theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 4. **Hình thức sở hữu - tư cách pháp nhân**

1. Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với hình thức bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp kết hợp phát hành thêm cổ phiếu thu hút thêm vốn. Công ty được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Công ty có vốn góp chi phối của Nhà nước do Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là chủ sở hữu. Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ủy quyền cho Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng quản lý và cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty.
3. Công ty:

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật Việt Nam, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước; được phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Hạch toán kinh tế độc lập; tự chủ về tài chính; có bảng cân đối kế toán riêng; tự chịu

trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh.

- Có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó.

Điều 5. **Mục tiêu, phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động:Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng được thành lập để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận thu được; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; tăng cổ tức cho các cổ đông; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
2. Phạm vi hoạt động: Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và tại nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Dịch vụ bảo quản, giao nhận hàng hóa; Dịch vụ chuyển tải hàng hóa	52299
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ	52219
7	Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy	5222
8	Cho thuê tàu lai	77309
9	Hoạt động cứu hộ phương tiện vận tải thủy; Hoạt động lai dắt, đưa tàu cập bến; Trục vớt tàu thuyền	52221
10	Dịch vụ đại lý tàu biển	52291
11	Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	52292
12	Đại lý ký gửi hàng hóa (không bao gồm đại lý chứng khoán, bảo hiểm)	46101
13	Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	82990
14	Cung ứng thuyền viên (không bao gồm cung ứng thuyền viên đi làm việc ở nước ngoài)	78301
15	Khai thác cảng; Kinh doanh kho bãi./.	68100

Điều 6. **Thời gian hoạt động**

1. Thời gian hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thời gian hoạt động của Công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và được các cấp có thẩm quyền cho phép.
2. Quy định nói tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Công ty bị giải thể trước thời hạn theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. **Nguyên tắc tổ chức - hoạt động**

1. Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.

2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận, chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ của Công ty trong phần vốn của mình đã góp vào Công ty.
3. Các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm riêng của mỗi cổ đông độc lập hoàn toàn với quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty, cho dù được phát sinh trước hay sau khi Công ty được thành lập.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
5. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để quản trị Công ty, bầu Ban kiểm soát để giám sát việc quản lý và điều hành Công ty.
6. Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc để điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 8. **Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty**

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

CHƯƠNG III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN LAI DẮT VÀ VẬN TẢI CẢNG HẢI PHÒNG

Điều 9. **Quyền của Công ty**

1. Tự chủ trong kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
2. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh; thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty;
3. Sử dụng và quản lý các tài sản Nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định về đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty;
4. Nhượng bán hoặc cho thuê những tài sản không dùng đến hoặc chưa dùng hết công suất;
5. Được cầm cố, thế chấp các tài sản, giá trị quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản trên đất thuộc quyền quản lý của Công ty tại các tổ chức tín dụng để vay vốn kinh doanh theo quy định của pháp luật;
6. Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn, phân bổ và sử dụng vốn;
7. Chủ động tìm kiếm thị trường, trực tiếp giao dịch và ký kết các hợp đồng với các khách hàng trong và ngoài nước;
8. Đầu tư, liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, mua một phần hoặc toàn bộ tài sản của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật với mục đích phát triển sản xuất, kinh doanh;
9. Kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu;
10. Tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức các đơn vị sản xuất kinh doanh phù hợp với mục

tiêu, nhiệm vụ của Công ty; phân chia và điều chỉnh nguồn lực giữa các công ty thành viên trực thuộc nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh;

11. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
12. Góp vốn thành lập Công ty TNHH, Công ty cổ phần hoạt động trong nước hoặc nước ngoài theo quy định của pháp luật;
13. Tuyển chọn, thuê mướn, bố trí sử dụng, đào tạo lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng, quyết định mức lương trên cơ sở cống hiến và hiệu quả sản xuất kinh doanh và có các quyền khác đối với người sử dụng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
14. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.
15. Mời và tiếp khách nước ngoài hoặc cử cán bộ, nhân viên của Công ty đi công tác nước ngoài phù hợp với chủ trương mở rộng hợp tác của Công ty và các quy định của Nhà nước;
16. Chủ động đổi mới công nghệ, trang thiết bị và áp dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của Công ty;
17. Tự chủ quyết định các công việc nội bộ của Công ty;
18. Quyết định giá mua, giá bán vật tư, nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ chủ yếu, trừ những sản phẩm và dịch vụ do Nhà nước định giá;
19. Phát hành, chuyển nhượng, mua lại hoặc bán các cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của pháp luật;
20. Quyết định sử dụng và phân phối phần lợi nhuận còn lại cho các cổ đông sau khi đã làm đủ nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, lập và sử dụng các quỹ theo quy định của Điều lệ, phù hợp với pháp luật và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
21. Trích khấu hao tài sản cố định, theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định và không thấp hơn tỷ lệ trích khấu hao tối thiểu do Nhà nước quy định;
22. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư theo quy định của Nhà nước;
23. Có quyền sử dụng ngoại tệ thu được theo chế độ quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước;
24. Được quyền bảo hộ về quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm: các sáng chế, giải pháp hữu ích, nhãn hiệu sản phẩm, kiểu dáng công nghiệp, tên gọi xuất xứ hàng hóa theo quy định của pháp luật Việt Nam;
25. Thực hiện khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;
26. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
27. Công ty được kế thừa và nhận chuyển giao các quyền về tài sản, các hợp đồng đã ký với các khách hàng của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy trước khi cổ phần hoá thành Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng;
28. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

***Điều 10*. Nghĩa vụ của Công ty**

1. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm đầy đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi

kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về kết quả kinh doanh; chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện;

2. Chịu trách nhiệm vật chất hữu hạn đối với khách hàng trong phạm vi vốn điều lệ của Công ty;
3. Thực hiện đầy đủ chế độ thống kê theo quy định của pháp luật; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin theo mẫu được quy định và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan nhà nước có thẩm quyền; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo không chính xác, không đầy đủ thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó;
4. Thực hiện các khoản phải thu và các khoản phải trả ghi trong bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm lập báo cáo;
5. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác và đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán - thống kê;
6. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định;
7. Công bố công khai các thông tin và báo cáo tài chính hàng năm; đánh giá khách quan và đúng đắn về hoạt động của Công ty;
8. Thực hiện đúng chế độ và các quy định về quản lý vốn, tài sản, các quĩ;
9. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;
10. Tổ chức thực hiện các hợp đồng đã ký với đối tác;
11. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
12. Tôn trọng việc thành lập và hoạt động của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó;
13. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;
14. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật. Tuân thủ các quy định về thanh tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
15. Công ty kế thừa và nhận chuyển giao các nghĩa vụ về tài sản, tiếp tục thực hiện các hợp đồng đã ký với khách hàng của Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng - Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy trước khi cổ phần hoá thành Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng;
16. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IV
VỐN HOẠT ĐỘNG, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 11. Vốn hoạt động

Vốn hoạt động của Công ty gồm có:

1. Vốn điều lệ đã góp;

2. Vốn vay của các ngân hàng, tổ chức tín dụng, các tổ chức khác, cá nhân trong nước và ngoài nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành;
3. Vốn huy động bằng các hình thức phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và những hình thức huy động vốn khác theo các quy định của pháp luật hiện hành;
4. Vốn tiếp nhận của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước để bổ sung cho vốn hoạt động của Công ty theo các quy định của pháp luật hiện hành;
5. Vốn tích lũy được hình thành từ kết quả kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh, liên kết với cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 12. **Vốn điều lệ**

1. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được xác định theo giá trị bằng tiền Việt Nam là **27.000.000.000 đồng (*Hai mươi bảy tỷ đồng*)**.
2. Vốn điều lệ của Công ty được hình thành từ việc các cổ đông góp bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản hay các hiện vật khác dưới hình thức chuyển quyền sở hữu cho Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Giá trị tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động phải được một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Trong mọi trường hợp, Công ty không chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với các nguồn tiền, tài sản do các cổ đông tự nguyện góp cổ phần vào Công ty.
3. Khi cần thiết, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng cách trích một phần hoặc toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối bổ sung vào vốn điều lệ hoặc phát hành cổ phiếu mới theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Trong trường hợp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị thua lỗ, nhưng đạt hiệu quả kinh doanh thấp, Công ty buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh. Cổ đông phổ thông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.
5. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu tại thời điểm thành lập:

- Vốn thuộc sở hữu của Nhà nước : 1.620.000 cổ phần (tương đương 16.200.000.000 đồng), chiếm 60% vốn điều lệ (Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam ủy quyền quản lý và cử người đại diện phần vốn nhà nước cho Công ty TNHH một thành viên Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng).
- Vốn thuộc sở hữu của CBCNV trong doanh nghiệp được mua theo giá ưu đãi: 319.200 cổ phần (tương đương 3.192.000.000 đồng), chiếm 11,82% vốn điều lệ.
- Vốn thuộc sở hữu của các nhà đầu tư khác thông qua bán đấu giá công khai: 760.800 (tương đương 7.608.000.000 đồng) chiếm 28,18% vốn điều lệ.

6. Công ty công bố công khai vốn điều lệ tại thời điểm thành lập và khi có sự thay đổi. Việc tăng giảm vốn điều lệ của Công ty phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định và được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chứng nhận.
7. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động:

- Mua sắm tài sản cố định, máy móc trang thiết bị mở rộng qui mô hoạt động của Công ty.
- Phát triển kỹ thuật, công nghệ, nghiệp vụ.
- Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh, liên kết, đầu tư vốn thành lập các công ty hoặc thực hiện các hình thức đầu tư tài chính khác.

- Dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản.
- Kinh doanh theo nội dung hoạt động của Công ty.

8. Vốn điều lệ không được phép sử dụng để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 13. **Trái phiếu công ty**

1. Tùy theo nhu cầu tài chính của Công ty, việc sử dụng vốn và tình hình thị trường, Công ty có thể phát hành trái phiếu công ty, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

   Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau đây:

   a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;

   b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành.

   Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

2. Hội đồng quản trị sẽ quyết định loại trái phiếu, các điều kiện của trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

3. Trái phiếu chuyển đổi của Công ty là loại trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty khi Công ty có nhu cầu phát hành thêm cổ phần hoặc tăng vốn điều lệ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Khi công ty phát hành thêm cổ phần mới, quyền ưu tiên được mua cổ phần của chủ sở hữu trái phiếu chuyển đổi chỉ sau các cổ đông của Công ty.

   Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

   Nếu Công ty phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các quy định pháp luật về chứng khoán.

Điều 14. **Cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm thành lập được chia làm 2.700.000 cổ phần (Hai triệu bảy trăm nghìn) cổ phần; một (01) cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.
3. Công ty có quyền xác lập và phát hành cổ phần ưu đãi (bao gồm: cổ phần ưu đãi hoàn lại, cổ phần ưu đãi cổ tức, các loại cổ phần ưu đãi khác) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Mọi quy định về cổ phần phổ thông và cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. **Chào bán cổ phần**

1. Công ty thực hiện chào bán cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Việc

chào bán cổ phần bằng cách phát hành chứng khoán ra công chúng phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, và được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ thực hiện theo qui định của pháp luật có liên quan.

2. Thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp quy định tại điểm a, b, c, khoản 1, Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.
3. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d, khoản 2, Điều 87 của Luật Doanh nghiệp.
4. Việc mua, bán cổ phần được coi là hoàn tất thủ tục khi các thông tin về người mua cổ phần được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần đó trở thành cổ đông của Công ty.
5. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông phải được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 16. **Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Uỷ ban chứng khoán Nhà nước và Trung tâm giao dịch chứng khoán. Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký tại trụ sở chính của Công ty (nơi phát hành cổ phiếu) và thực hiện các thủ tục theo quy định của Công ty.
2. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện bằng văn bản theo mẫu của Công ty. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký, có xác nhận của Công ty. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

   Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.
4. Hội đồng quản trị có quyền từ chối việc chuyển nhượng bất kỳ cổ phần nào nếu việc chuyển nhượng trái với Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 17. **Thừa kế cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật về thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
2. Người thừa kế hoặc đại diện của những người thừa kế hợp pháp các cổ phần được thừa kế phải thực hiện các thủ tục đăng ký với Công ty để xác nhận là cổ đông mới của Công ty và được hưởng mọi quyền lợi nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể, sáp nhập, chia tách hoặc phá sản thì quyền

thừa kế liên quan đến cổ đông là tổ chức đó được thực hiện theo qui định của pháp luật.

Điều 18. **Mua lại cổ phần, điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại**

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty:

   Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định tại Điều 91 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu mua lại cổ phần của cổ đông phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán và lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại điểm này.

b. Công ty và cổ đông có thể thỏa thuận về giá mua lại cổ phần nhưng không thấp hơn giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 19. **Thu hồi cổ phần**

1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có thể thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi cổ đông thanh toán đầy đủ các khoản phí phải nộp, các khoản lãi và chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

4. Một cổ phần sau khi bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 20. **Cổ phiếu**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung theo qui định tại khoản 1 Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

2. Nếu hình thức, nội dung cổ phiếu do Công ty phát hành có sai sót thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu không bị ảnh hưởng. Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do sai sót đó

gây ra đối với Công ty.

3. Nếu cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại cổ phiếu mới. Đề nghị của cổ đông phải có nội dung quy định tại điểm a, b khoản 3, Điều 85 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. **Cổ phiếu quỹ**

1. Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu của chính Công ty đã phát hành và được Công ty mua lại bằng nguồn vốn hợp pháp.
2. Điều kiện, trình tự mua, bán và quản lý cổ phiếu quỹ trong Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 22. **Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty**

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

Điều 23. **Mối quan hệ giữa Công ty với các đơn vị trực thuộc Công ty**

1. Các đơn vị trực thuộc Công ty (được gọi tắt là đơn vị) được thành lập có bộ máy tinh gọn, hiệu quả gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, các phòng ban chức năng, tổ đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất và nhiệm vụ được giao;
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phải tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao và các quy định của pháp luật hiện hành;
3. Hàng năm các đơn vị phải chủ động tìm kiếm việc làm đồng thời được Công ty giao nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kinh tế bắt buộc phù hợp với nguồn lực và khả năng kinh tế của từng đơn vị;
4. Các đơn vị có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định;
5. Các mối quan hệ khác tuân theo quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. **Quy định chung về cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty là mọi tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài sở hữu hợp pháp một hay nhiều cổ phần của Công ty.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền để thực

hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có nội dung chủ yếu theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp.

4. Trong trường hợp một cổ đông tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức cũ, thì cổ đông tổ chức mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị Công ty các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành. Trường hợp cổ đông tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân khác theo các quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
5. Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.
6. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi làm đại diện cho mình tại Công ty. Việc ủy quyền đều phải thực hiện bằng văn bản theo các quy định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị Công ty.
7. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của nhóm cổ đông này bằng văn bản.

Điều 25. **Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông của Công ty thực hiện quyền sở hữu đối với Công ty tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu và có các quyền khác theo quy định tại Điều lệ này.
2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

a. Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của từng cổ đông.

b. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông của Công ty theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

c. Thừa kế cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty và phù hợp với luật pháp.

d. Được nhận thông tin thường xuyên và đột xuất về tình hình hoạt động của Công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

g. Nhận một phần tài sản còn lại (nếu có) theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần mà cổ đông sở hữu sau khi Công ty thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và trả cho cổ đông ưu đãi trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản.

h. Giám sát, phê bình, chất vấn và kiến nghị về hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban

kiểm soát và Giám đốc Công ty.

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp.

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên **10%** số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng ngoài các quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có các quyền:

a. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.

Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính sáu tháng và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.

d. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 26. **Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông của Công ty có nghĩa vụ:

1. Thanh toán đủ số tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quyết định của Công ty. Chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định trên thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, uy tín, bí mật kinh doanh và tài sản của Công ty.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ xấu về tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 27. **Sổ đăng ký cổ đông của Công ty**

1. Công ty phải lập Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập vừa bằng văn bản vừa bằng tệp dữ liệu điện tử và được lưu giữ tại trụ sở Công ty.
2. Nội dung của Sổ đăng ký cổ đông của Công ty phải ghi nhận đúng và đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 2, Điều 86 Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày cổ đông có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 28. **Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông tiến hành họp để thực hiện các quyền của mình. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gồm:

a. Cuộc họp thành lập Công ty

Cuộc họp thành lập Công ty thảo luận và thông qua Điều lệ của Công ty, kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kế hoạch tài chính cho 03 (ba) năm đầu tiên kể từ khi Công ty chính thức đi vào hoạt động; bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức quản lý của Công ty.

b. Cuộc họp thường niên

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quyết định tuỳ từng thời điểm.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với luật pháp. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự cuộc họp để tư vấn cho việc thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

c. Cuộc họp bất thường

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức khi có phát sinh bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến tổ chức, hoạt động của Công ty.

Điều 29. **Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:

a. Thông qua chiến lược, kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty;

b. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

c. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban kiểm soát;

d. Thông qua báo cáo của Kiểm toán viên độc lập;

e. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

f. Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó theo đề nghị của Hội đồng quản trị;

g. Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong ba (03) năm đầu kể từ ngày thành lập Công ty;

h. Quyết định người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và các cổ phần ưu đãi khác;

i. Quyết định việc chuyển đổi cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông;

j. Quyết định tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;

k. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Quyết định việc Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Quyết định việc Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

o. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

p. Quyết định thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

q. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;

r. Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

s. Quyết định việc tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

t. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;

u. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán;

v. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông không được tham gia biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến:

a. Các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc bất kỳ người nào liên quan đến cổ đông đó.

***Điều 30*. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập cuộc họp bất thường của trong các trường hợp:

a. Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải triệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập họp là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;
- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị giảm 50%;
- Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá 1/3 số thành viên quy định tại khoản 1, Điều 42 Điều lệ này;

b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 27 Điều lệ này hoặc của Ban kiểm soát trong trường hợp có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác của Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ được quy định tại Điều 119 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động vượt quá phạm vi quyền hạn của mình.

3. Khi có phát sinh các hiện tượng như nêu tại điểm a, khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này thì:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong vòng 30 (ba mươi) ngày.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 27 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết. Việc giám sát của cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định tại Điều lệ

này.

5. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện hợp lệ sẽ được Công ty chi trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 31. **Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc uỷ quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

   Theo quy định tại khoản này, cổ đông tổ chức sở hữu từ 10% vốn điều lệ được quyền ủy quyền tối đa 03 (ba) người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 32. **Việc uỷ quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền.

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức đó và người được uỷ quyền.

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là người được uỷ quyền dự họp.

2. Người được ủy quyền được nhân danh cổ đông ủy quyền tham dự, phát biểu và thực hiện quyền biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông đã ủy quyền, phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
3. Người được uỷ quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
4. Người được uỷ quyền tham dự cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền cho Ban tổ chức cuộc họp trước khi vào phòng họp.
5. Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.
6. Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng văn bản gửi Hội đồng quản trị trước khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khai mạc.
7. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

   Phiếu bầu của người được uỷ quyền sẽ không có hiệu lực khi Công ty nhận được

thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 33. **Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có đầy đủ họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, trụ sở, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. **Thông báo, chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.

   Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
2. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo uỷ quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

   Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông làm việc theo chương trình nghị sự đã công bố. Trong trường hợp triệu tập lần thứ hai, lần thứ ba, Đại hội vẫn giữ nguyên chương trình nghị sự đã công bố cho lần triệu tập thứ nhất. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình nghị sự đã được gửi kèm theo thông báo mời họp. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 27 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung bản kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

   Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị khi:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Những trường hợp khác quy định tại bản Điều lệ này.

Điều 35. **Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm tương ứng dự họp cho lần triệu tập thứ nhất.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a, khoản này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm tương ứng.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b, khoản này trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ ba này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ là người thay thế làm chủ toạ cuộc họp; trường hợp Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.

   Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao làm chủ toạ cuộc họp.

3. Chủ toạ cuộc họp đề cử Ban thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.

5. Trước ngày khai mạc cuộc họp, thủ tục đăng ký cổ đông tham dự họp phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi đảm bảo việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

6. Khi tiến hành thủ tục đăng ký, kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông, đại diện cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ tên cổ đông, họ tên đại diện cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách giơ thẻ chấp thuận một vấn đề trước, giơ thẻ phản đối vấn đề đó sau. Tổng số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ toạ công bố trước khi bế mạc cuộc họp và ghi vào nội dung Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp cổ đông không đến dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì có thể gửi phiếu biểu quyết có niêm phong đến Công ty trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và trong trường hợp này được coi là dự họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của

biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

9. Quyết định của chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
10. Chủ toạ và thư ký cuộc họp có quyền thực hiện các biện pháp mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
11. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả mọi người tham dự cuộc họp Đại hôi đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cô sý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

12. Không cần lấy ý kiến của cuộc họp, chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số cổ đông đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp:

a. Địa điểm tổ chức cuộc họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông tham dự cuộc họp; hoặc

b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

13. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 12 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều khiển cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

Điều 36. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền được bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các vấn đề sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp:

a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

b. Thông qua định hướng phát triển Công ty;

c. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

g. Tổ chức lại, giải thể và phá sản Công ty.

Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty và được sự nhất trí của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản này.

3. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều

kiện sau đây:

a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

b. Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo đúng quy định.

5. Nghị quyết, quyết định được thông qua tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập và tiến hành phù hợp với những quy định liên quan nói tại Điều lệ này sẽ có hiệu lực bắt buộc vô điều kiện đối với mọi cổ đông của Công ty, cho dù cổ đông đó vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

6. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **75%** tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

7. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 37. **Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 3, Điều 105 Luật Doanh nghiệp.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

   Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm

phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 5, Điều 105 Luật Doanh nghiệp.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. **Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của Chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. **Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng

cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông; cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị gồm **05** (năm) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm, các thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thường trực của Hội đồng quản trị gồm Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giải quyết công việc hằng ngày của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất của Công ty.
5. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.
6. Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị để đảm nhiệm cho hết nhiệm kỳ.
7. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông Công ty hoặc người đại diện của cổ đông là tổ chức; là công dân Việt Nam và thường trú tại Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự; có lý lịch rõ ràng; nhân thân tốt; có kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp; có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và không bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ **10%** đến dưới **30%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ **30%** đến dưới **50%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ khoảng từ **50%** đến dưới **60%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên; sở hữu từ **60%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử

vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng viên tham gia Hội đồng quản trị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng viên tham gia Hội đồng quản trị, chữ ký của cổ đông đề cử và người được đề cử.

Điều 42. **Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi;

c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng; quyết định giá mua lại cổ phần;

f. Xem xét việc chuyển nhượng các cổ phiếu ghi tên;

g. Quyết định đầu tư tài sản có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

h. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

i. Quyết định việc Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh, đơn vị trực thuộc nào của Công ty ký kết các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 120 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của Công ty;

Trong trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

j. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

k. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì mức lương và thưởng của Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

l. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, giám đốc, phó giám đốc đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các chức danh quản lý tương đương khác của

Công ty theo đề nghị của Giám đốc;

m. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân viên thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị và quyết định mức bồi thường vật chất khi những người này gây thiệt hại cho Công ty;

n. Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

o. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, các quy chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập và giải thể công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q. Quyết định việc thay đổi trụ sở làm việc của Công ty;

r. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

s. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

u. Có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và/hoặc các quy định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

v. Xem xét báo cáo của Giám đốc khi cần thiết và yêu cầu Giám đốc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông;

w. Kiến nghị bổ sung hoặc sửa đổi Điều lệ của Công ty;

x. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và những người quản lý khác trong năm tài chính.

4. Hội đồng quản trị không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của Công ty để thế chấp hoặc bảo lãnh nợ cho các đối tượng sau:

- Cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các Phó Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
- Các doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đó đang là cổ đông của Công ty.

5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu Hội

đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 43. **Hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất 03 (ba) tháng một lần; trường hợp đặc biệt khoảng cách giữa hai kỳ họp thường kỳ cũng không quá 04 (bốn) tháng. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và gửi đến các thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước ngày họp dự kiến.

   Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên trúng cử Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ để triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường. Hội đồng quản trị phải họp phiên bất thường trong vòng 15 (mười lăm) ngày theo đề nghị của một trong những người, nhóm người sau:

a. Ít nhất 02 (hai) thành viên của Hội đồng quản trị;

b. Ban kiểm soát;

c. Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

   Đề nghị phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

5. Địa điểm họp: các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản. Thông báo mời họp phải ghi cụ thể chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về những vấn đề cần thảo luận, biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của các thành viên.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Việc uỷ quyền dự họp Hội đồng quản trị:

a. Mọi thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị.

b. Người được uỷ quyền thực hiện các quyền, nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp theo như nội dung ghi tại giấy uỷ quyền.

c. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản do thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền và người được uỷ quyền ký, gửi cho Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.

Trường hợp uỷ quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị, giấy uỷ quyền phải được gửi tới Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chậm nhất 01 (một) ngày trước ngày họp dự kiến, Hội đồng quản trị phải thông báo chấp thuận hoặc không chấp thuận việc uỷ quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị và nêu rõ lý do không chấp thuận.

d. Việc uỷ quyền dự họp của thành viên Hội đồng quản trị chỉ được thực hiện từng lần. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền cho người thứ ba.

8. Điều kiện tiến hành họp Hội đồng quản trị:

a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên có mặt trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền dự họp.

b. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định điểm a khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 số thành viên có mặt trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền dự họp.

9. Biểu quyết tại cuộc họp:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết .

c. Trong một cuộc họp Hội đồng quản trị, khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: một thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó tại cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp Hội đồng quản trị được tổ

chức gần nhất sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra các quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng quản trị theo phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị, nhưng không muộn hơn 01 (một) tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp

13. Họp trên điện thoại hoặc qua các hình thức khác: một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết bằng văn bản: nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Những thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên ký tên trên văn bản không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết này có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có chữ ký của ít nhất một thành viên.

15. Biên bản cuộc họp:

a. Mọi nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi vào sổ biên bản; Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và những biên bản đó sẽ phải được xem như

những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi.

c. Các biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

d. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Những người được mời họp dự thính: Hội đồng quản trị có thể mời những người quản lý Công ty khác hoặc các chuyên gia của một bên thứ ba nào đó tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị. Những người được mời tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản này được quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp.

17. Bộ phận giúp việc: giúp việc cho Hội đồng quản trị có thể là thư ký hoặc các tiểu ban hoặc văn phòng Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc thành lập hoặc giải thể bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị.

Điều 44. **Việc phân công nhiệm vụ và quyền hạn giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho quyền lợi của các cổ đông của Công ty trước pháp luật.

b. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam, do Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc Công ty.

c. Khi vắng mặt, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch tạm thời không làm việc được, các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

d. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Lãnh đạo hoạt động của Hội đồng quản trị và thay mặt Hội đồng quản trị thực hiện các hoạt động hàng ngày của Hội đồng quản trị trong thời gian giữa 02 cuộc họp thường kỳ;
- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Triệu tập và chủ toạ các cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo thẩm quyền; Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Lập chương trình công tác và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;
- Được ủy quyền và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền của mình;
- Có quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp này, nếy Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị:

a. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện những nhiệm vụ do Chủ tịch phân công.

b. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị:

- Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;
- Được quyền yêu cầu các cán bộ trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
- Tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những hành vi của mình;
- Thực hiện Điều lệ của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Điều 45. **Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị phải tuân theo những quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 43 Điều lệ này;

b. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

c. Có đơn xin từ chức;

d. Chết, mất trí, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị kết án tù;

e. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu tháng) liên tục mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết chức vụ của người này bị bỏ trống;

f. Cổ đông tổ chức do người này đại diện kết thúc hoạt động;

g. Mất tư cách đại diện cho cổ đông tổ chức;

h. Công ty bị giải thể, phá sản.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông là tổ chức muốn thay đổi người đại diện của mình đang là thành viên Hội đồng quản trị thì phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị phải họp để xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Trường hợp khuyết chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thay thế và đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến khi bầu bổ sung đủ số thành viên Hội đồng quản trị như quy định tại Điều lệ này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số quy định tại khoản 1, Điều 42 Điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
7. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 46. **Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị, hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
2. Tổng số tiền thù lao trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện bằng mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
3. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào hoặc thành viên thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác.
4. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. **Việc bàn giao tài sản, lao động cho Hội đồng quản trị sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty**

Sau khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty, những người trúng cử vào Hội đồng quản trị có trách nhiệm nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban chỉ đạo cổ phần hoá Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.

CHƯƠNG VIII
GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 48. **Giám đốc**

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác. Giám đốc không nhất thiết là cổ đông của Công ty.
2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở

quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ này và hợp đồng lao động ký với Hội đồng quản trị trong trường hợp thuê Giám đốc; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc được trả tiền lương, tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, tiền thưởng của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được nêu trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty để báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Điều 49. **Tiêu chuẩn lựa chọn Giám đốc**

1. Giám đốc Công ty phải là người:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, 03 (ba) năm kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty; hiểu biết pháp luật, có sức khoẻ phù hợp với chức vụ được giao;

c. Không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

d. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

2. Giám đốc do Hội đồng quản trị căn cứ những điều kiện nói trên xem xét, bỏ phiếu tuyển chọn theo nguyên tắc đa số chấp thuận.

Điều 50. **Quyền và trách nhiệm của Giám đốc**

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
3. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch, các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái Điều lệ và trái nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
4. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
5. Báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty định kỳ hàng năm, hàng quý, hoặc đột xuất tuỳ theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
7. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
8. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm và dịch vụ (trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước quy định);
9. Kiến nghị giải pháp phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và công nghệ;
10. Trình Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức trưởng, phó các phòng ban, bộ phận, giám đốc đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức các chức danh nêu tại khoản 10 Điều này và các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
12. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
13. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động theo quy định của Hội đồng quản trị; Khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động;
14. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 05% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
15. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý trong kinh doanh;
16. Thừa ủy quyền của Hội đồng quản trị quản lý toàn bộ tài sản của Công ty;
17. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty khi được Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản;
18. Bảo đảm các điều kiện và phương tiện phục vụ cho việc hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát và việc thực thi quyền và nghĩa vụ của cổ đông;
19. Được quyết định các biện pháp xử lý vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố..., và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị;
20. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
21. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. **Bộ máy giúp việc**

1. Công ty có các Phó giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn.
2. Phó giám đốc là người giúp Giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công uỷ quyền.
3. Kế toán trưởng là người giúp Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất, công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Công ty.
4. Giám đốc các chi nhánh, đơn vị trực thuộc Công ty là thủ trưởng điều hành trực tiếp các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt phải tự chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.
5. Các Trưởng, Phó phòng, ban chuyên môn là người giúp Giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày.

Điều 52. **Việc ủy quyền - ủy nhiệm của Giám đốc**

1. Giám đốc có thể uỷ quyền, ủy nhiệm cho các Phó giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc ủy quyền, ủy nhiệm của mình.

2. Người được Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
3. Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 53. **Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm Giám đốc**

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được văn bản này, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
2. Miễn nhiệm: Giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự hoặc tự ý bỏ nhiệm sở từ 30 (ba mươi) ngày trở lên.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm Giám đốc khi có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
4. Trong trường hợp Giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Giám đốc mới.

CHƯƠNG IX
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 54. **Nghĩa vụ của người quản lý Công ty**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty có các nghĩa vụ sau đây:

a. Công khai các lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

d. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

e. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG X
BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. **Thành phần và nhiệm kỳ**

1. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Ban kiểm soát Công ty gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn bằng thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
3. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo thể thức bỏ phiếu kín trực tiếp.
6. Ban kiểm soát có ít nhất 01 (một) thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán và thành viên này không được là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty, không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát để quản lý, điều hành hoạt động chung của Ban kiểm soát.

Điều 56. **Tiêu chuẩn và điều kiện ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát phải là công dân Việt nam và thường trú ở Việt Nam; có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp; không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; không được giữ các chức vụ quản lý Công ty.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trong khoảng từ **10%** đến dưới **30%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; sở hữu trong khoảng từ **30%** đến dưới **50%** tổng số cổ phần phổ thông được quyền đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên; sở hữu từ **50%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Nội dung đơn đề cử ứng viên tham gia Ban kiểm soát phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần phổ thông sở hữu của cổ đông, tên ứng viên tham gia Ban kiểm soát, chữ ký của người đề cử và người được đề cử.

Điều 57. **Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có những quyền hạn, nhiệm vụ như sau:

a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành các hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị khắc phục các sai phạm.

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên.

d. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiễm của công ty kiểm toán độc lập;

e. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

h. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;

i. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

j. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 27 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

k. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp tình hình, số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty.

l. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc các cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều 56 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

m. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

n. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

o. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

e. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các hành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại điểm c, khoản này đều thuộc sở hữu của Công ty.

f. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 58. **Hoạt động của Ban kiểm soát**

1. Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng lĩnh vực.
2. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát

a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ;

b. Việc kiểm tra theo quy định tại điểm j, khoản 1 Điều 59 Điều lệ này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong việc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

3. Sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thành lập, các thành viên Ban kiểm soát thực hiện việc giám sát quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập Công ty.
4. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và hình thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng không được họp ít hơn 02 (hai) lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 (hai) người.
5. Thù lao và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 59. **Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát**

1. Trưởng ban kiểm soát muốn từ chức, thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm phải làm đơn gửi Ban kiểm soát. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản xin từ chức hoặc từ nhiệm, Ban kiểm soát phải họp để xem xét quyết định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này;

b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn xin từ chức;

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

5. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng ban kiểm soát thì số thành viên Ban kiểm soát còn lại cử một người thay thế cho đến khi bầu thêm đủ số thành viên Ban kiểm soát như quy định tại Điều lệ này tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, Ban kiểm soát trao đổi với Hội đồng quản trị tạm thời cử người thay thế ngay cho đến khi triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung.

CHƯƠNG XI
QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. **Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 61. **Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người quản lý khác phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 62. **Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 11 Điều 27 Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra Sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này, những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ này, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG XII
CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 63. **Chế độ và quyền lợi của người lao động**

1. Chế độ tuyển dụng: Việc tuyển dụng lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế có liên quan của Công ty.
2. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty: Người lao động đang làm việc cho Xí nghiệp Xếp dỡ và Vận tải thủy chuyển sang Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng sẽ được ký lại hợp đồng lao động với người sử dụng lao động. Đối với lao động tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì giải quyết theo chế độ hiện hành.
3. Khi chuyển sang Công ty cổ phần, mọi chế độ như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác theo pháp luật được Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng tiếp tục thực hiện.

CHƯƠNG XIII
NĂM TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 64. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 65. **Trích lập quỹ**

1. Quỹ dự phòng tài chính: Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào Quỹ dự phòng tài chính với mức trích tối đa 05% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng tài chính bằng 25% vốn điều lệ của Công ty.
2. Các quỹ khác như Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ Hội đồng quản trị, mức trích do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc uỷ quyền cho Hội đồng

quản trị quyết định.

Điều 66. **Cổ tức**

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho từng loại cổ phần ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; bù đắp lỗ năm trước theo quy định của pháp luật và trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo Điều lệ Công ty; ngay khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
3. Hội đồng quản trị sẽ lập danh sách các cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức phải trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức sẽ được gửi đến cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo sẽ có nội dung như quy định của pháp luật.

   Đối với trường hợp chuyển nhượng cổ phần, cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
4. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.
5. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phần đó có quy định khác đi, mức cổ tức của cổ phần chưa được thanh toán hết trong thời gian trả cổ tức được tính theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phần đó tại thời điểm trả cổ tức.
6. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn.
7. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, cổ phần và/hoặc tài sản khác của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng hoặc bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được.
8. Trường hợp cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thì việc thanh toán cổ tức được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc trung tâm lưu ký.
9. Hội đồng quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc thụ hưởng các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên

trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 67. **Xử lý khi kinh doanh thua lỗ**

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau (việc chuyển lỗ được thực hiện theo qui định của pháp luật); đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG - HỆ THỐNG KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 68. **Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu thấy cần thiết.
3. Công ty thực hiện các khoản thanh toán và giao dịch tiền tệ theo quy định thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.
4. Giám đốc quyết định mở, chấm dứt hoạt động, sử dụng các tài khoản của Công ty tại ngân hàng.

Điều 69. **Hệ thống kế toán**

1. Hệ thống kế toán của Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ một hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 70. **Kiểm toán**

1. Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền để Hội đồng quản trị lựa chọn một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Công ty và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty có thể được mời tham dự cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin liên quan đến vấn đề kiểm toán Công ty.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, BÁO CÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 71. **Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 72 Điều lệ này và trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Nếu Công ty có trang thông tin điện tử thì các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử.

Điều 72. **Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI
TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 73. **Tổ chức lại Công ty**

1. Khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức như chia Công ty, tách Công ty, hợp nhất Công ty, sáp nhập Công ty, chuyển đổi Công ty.
2. Trình tự thủ tục chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty thực hiện theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 74. **Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a. Kết thúc hoạt động theo Điều 6 của Điều lệ này mà không có quyết định gia hạn;

b. Giải thể trước thời hạn theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

c. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Quyết định giải thể Công ty trước thời hạn của Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay xin chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 75. **Thủ tục giải thể**

Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;
   b. Lý do giải thể;
   c. Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.
   d. Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động.
   e. Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của Doanh nghiệp.

   Quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

   Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó, cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.
4. Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:

a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.

b. Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc các cổ đông.

Điều 76. **Thanh lý tài sản**

1. Trong trường hợp Công ty bị tuyên bố phá sản hoặc bị cấm hoạt động theo lệnh của Tòa án, việc giải quyết thanh lý tài sản của Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.
2. Trong trường hợp Công ty tự tuyên bố chấm dứt hoạt động theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, thì chậm nhất 06 (sáu) tháng sau khi có quyết định chấm dứt hoạt

động, Hội đồng quản tri sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

3. Ban thanh lý có trách nhiệm thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật về việc phân định trách nhiệm, xử lý tài sản, công nợ tồn đọng và giải quyết các vấn đề tồn tại khác liên quan đến quyền lợi của cổ đông dưới sự giám sát của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thời gian thanh lý và chi phí liên quan do Đại hội đồng cổ đông quy định.
5. Trong thời gian thanh lý, Ban Thanh lý có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
6. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;
b. Tiền lương và các chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
d. Các khoản vay (nếu có);
e. Các khoản nợ khác của Công ty;
f. Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVII
TRANH CHẤP - TỐ TỤNG

Điều 77. **Tranh chấp, tố tụng**

1. Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi xảy ra tranh chấp, tố tụng.
2. Giám đốc là người đại diện của Công ty trước pháp luật và được ủy quyền cho người khác thực hiện thủ tục pháp lý và tranh chấp, tố tụng tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
3. Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liê quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 78. **Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Khi có tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính giữa:

a. Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
b. Một cổ đông hay các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người quản lý khác,

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa

giải. Trưởng ban kiểm soát sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan đến Ban kiểm soát hoặc Trưởng Ban kiểm soát thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 60 (sáu mươi) ngày từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra các cơ quan pháp luật có thẩm quyền xét xử.
3. Mỗi bên tranh chấp tự chịu chi phí liên quan đến thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào chịu.

CHƯƠNG XVIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 79. **Điều khoản thi hành**

1. Công ty chính thức đi vào hoạt động khi Đại hội đồng cổ đông thành lập đã làm đủ các thủ tục sau:

- Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và cam kết đóng đủ tiền theo quy định của Nhà nước hoặc có một hoặc vài tổ chức tài chính, tín dụng bảo lãnh bán hết số cổ phần còn lại;
- Đã thảo luận và thông qua các điều khoản trong bản Điều lệ;
- Đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm Giám đốc Công ty;
- Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị;
- Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan Nhà nước theo luật pháp hiện hành.

2. Mọi vấn đề phát sinh hoặc chưa được quy định trong Điều lệ này sẽ được giải quyết theo luật pháp hiện hành.

Điều 80. **Con dấu**

1. Con dấu của Công ty được khắc và đăng ký theo các quy định của luật pháp hiện hành.
2. Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của luật pháp hiện hành.

Điều 81. **Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Khi cần thiết phải sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị dự thảo sửa đổi, bổ sung và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các sửa đổi, bổ sung Điều lệ chỉ có hiệu lực khi được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 82. **Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 18 Chương và 82 Điều được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 30 tháng 01 năm 2010 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
3. Sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua, Điều lệ được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản đăng ký tại các cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- 02 bản lưu trong hồ sơ tại trụ sở Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng.
- mỗi thành viên Hội đồng quản trị lưu một bản.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản trích, bản sao và bản dịch phải có chữ ký xác nhận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền xác nhận.
5. Nếu có điểm mâu thuẫn giữa bản Điều lệ tiếng Việt và các bản dịch ra tiếng nước ngoài thì bản Điều lệ tiếng Việt là bản có giá trị quyết định.
6. Công ty giữ toàn quyền giải thích Điều lệ này.

Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật

STT	Tên thành viên HĐQT/Người đại diện theo pháp luật	Chữ ký/ dấu
I	THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
	Ông ***Dương Thanh Bình***	
	Ông ***Cao Đức Văn***	
	Ông ***Phùng Xuân Hà***	
	Ông ***Trần Quang Thịnh***	
	Ông ***Phạm Việt Hà***	
II	NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	
	Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Lai dắt và Vận tải Cảng Hải Phòng	
	Giám đốc: Ông ***Trần Quang Thịnh***	